

## THIÊN TÔNG LÀ CỘI GỐC CỦA ĐẠO PHẬT

### Giảng tại Thiên đường Hòa thượng Thánh Nghiêm

Hoa Kỳ tháng 11 2000

Đề tài chúng tôi nói chuyện hôm nay Thiên tông là cội gốc của đạo Phật.

Chúng tôi là những người tu thiền ở Việt Nam, nhưng thời chúng tôi không được sự kế thừa của các vị Tổ trong Ngũ Gia Tông Phái ở Trung Quốc. Song tôi quyết tâm tu thiền nên dồn hết sức mình vào việc nghiên cứu tu Thiền. Điều đáng tiếc là Thiên tông Việt Nam đã vắng bóng gần một thế kỷ, nên chúng tôi phải tự tra cứu, học hỏi trong kinh sách và lịch sử để tìm ra một lối tu.

Riêng tôi, trước hết tôi tu Lục Diệu Pháp Môn, là phương pháp của Thiền sư Trí Khải ở Trung Hoa, lấy đó làm cương lĩnh ban đầu. Lục Diệu Pháp Môn gồm có sáu pháp: Sở tức, Tùy tức, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh. Khi đi sâu vào tu hành, chúng tôi cũng có tiến bộ đôi chút. Dù vậy, tôi rất băn khoăn, muốn thấu hiểu được đường lối tu thiền của các Tổ để ứng dụng tu, đồng thời kế thừa sự nghiệp của những bậc Tôn túc thời trước.

Nhưng khi nghiên cứu thiền của chư Tổ chúng tôi thấy rất khó, đọc tác phẩm của các ngài không hiểu gì cả. Như câu chuyện Tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Hoa, ngồi xoay mặt vào vách chín năm. Sau đó có một người tên Thần Quang đến xin tu tập và được Tổ nhận cho làm đệ tử đổi tên thành Huệ Khả, luôn theo hầu Tổ. Một hôm, ngài Huệ Khả bạch với Tổ Đạt-ma: "Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm." Tổ Đạt-ma bảo: "Đem tâm ra ta an cho." Ngài Huệ Khả tìm lại tâm mình, tìm mãi không được, bèn thưa: "Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được." Tổ bảo: "Ta đã an tâm cho người rồi!"

Câu chuyện đối đáp giữa hai thầy trò, chúng tôi mô mẫm mãi không ra. Thời gian sau, đủ duyên nhập thất tu, tôi cũng đọc đi đọc lại câu chuyện đó, bỗng dưng thấy được lối vào của Tổ Huệ Khả. Từ đó chúng tôi thay đổi, không tu theo Lục Diệu Pháp Môn nữa, mà đi thẳng vào đường lối tu Thiền. Như vậy, chúng tôi không theo hệ thống của Ngũ Gia Tông Phái, mà trực tiếp theo hướng tu của Tổ Huệ Khả, nên không theo hệ thống truyền bá Thiên tông như trước đây.

Tu Thiền tông theo Tổ Đạt-ma là cốt quay lại tìm xem cái tâm nghĩ suy lăng xăng đó ở đâu, thật hay giả. Phương pháp này danh từ chuyên môn gọi là "Phản quan tự kỷ". Bởi vì chúng ta mê làm tâm hư dối bóng dáng là tâm mình, nên lâu nay bị nó dẫn chạy ngược chạy xuôi. Giờ đây, nhìn kỹ lại nó tan

biến. Đó là lối tu của Tổ Đạt-ma dạy, không có trong kinh điển. Vì vậy được gọi là "Giáo ngoại biệt truyền", tức truyền ngoài giáo lý. Đây chính là chân tinh thần của Thiên tông.

Chúng tôi lãnh hội được yếu chỉ đó, nên ứng dụng tu và dạy Tăng Ni Phật tử ở Việt Nam tu thiền như thế. Nghĩa là phải nhìn tường tận những tâm niệm vừa dấy khởi, liền biết nó là vọng tưởng hư dối, không theo thì nó tự lặng. Khi nào nó mạnh, làm ồn thì chúng ta phản quan lại, xem nó xuất phát từ đâu, khi đó nó mất tăm mất dạng. Tổ Huệ Khả nhận được yếu chỉ đó rồi, Ngài tu một thời gian và trình với Tổ Đạt-ma: "Hiện con đã dứt hết các duyên." Tổ Đạt-ma bảo: "Coi chừng rơi vào không." Ngài Huệ Khả thưa: "Rõ ràng thường biết, làm sao không được." Tổ Đạt-ma liền ấn chứng cho Huệ Khả.

Chúng ta thấy đường lối tu của Thiên tông là phải làm sao dứt bật tâm duyên theo ngoại cảnh. Tâm đó lặng hết, thì cái rõ ràng thường biết hiện tiền, đó là gốc của tu thiền. Sau này, Lục tổ Huệ Năng nhân nghe Ngũ Tổ dạy kinh Kim Cang, đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", nghĩa là không có chỗ trụ mà sanh tâm kia, Ngài bừng sáng liền tỉnh ngộ, thốt lên rằng: "Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh. Đâu ngờ tâm mình xưa nay trùm khắp. Đâu ngờ tâm mình xưa nay hay sanh muôn pháp"... Nghe thế Ngũ Tổ biết Ngài đã triệt ngộ liền truyền tâm ấn và trao y bát cho, rồi dạy Ngài về phương Nam giáo hóa.

Khi sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với sáu trần bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà không dính không nhiễm, lúc đó chúng ta được an tâm, được tiến tới quả Vô thượng Bồ-đề. Sau này, trên đường Tổ trở về phương Nam, có một đoàn người đuổi theo để giành lại y bát, trong đó có Thượng tọa Minh đuổi theo kịp. Thấy vậy, Tổ Huệ Năng liền để y bát trên một tảng đá, rồi chui vào bụi cây trốn. Thượng tọa Minh tới thấy y bát mừng quá liền ôm lên, nhưng ôm không nổi, buộc lòng kêu lên: "Hành giả! Hành giả! Tôi đến đây vì pháp chớ không phải vì y bát." Nghe vậy, Tổ từ trong bụi cây chui ra, bảo: "Nếu ông đến đây vì cầu pháp, thì hãy đứng yên lặng, ta sẽ nói cho." Thượng tọa Minh đứng yên lặng giây lâu, Tổ bảo: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?" Ngay câu nói đó, Thượng tọa Minh liền lãnh hội được.

Lục Tổ nhân nghe kinh biết rõ khi tâm không chạy theo, không dính mắc với sáu trần thì tâm ấy an nhiên, thanh tịnh, trong sáng, hằng hữu nơi chúng ta, nhưng lâu nay mình quên. Giờ đây, không dính với sáu trần nữa, thì nó hiển lộ ra. Tâm không dính với sáu trần tức là không còn chạy theo cảnh bên ngoài, không khởi nghĩ suy về cảnh, về người v.

v... Nếu tâm không dấy khởi, không chạy ra ngoài thì nó trở về thể thanh tịnh sẵn có xưa nay.

Cho nên Tổ Huệ Năng nghe Ngũ Tổ giảng đến chỗ tâm không trụ, Ngài liền nhận được Tâm thể sẵn có của mình. Tâm thể đó chưa từng sanh, chưa từng diệt, trùm khắp, không bị giới hạn trong phạm vi của thân này. Vì vậy Ngài mới thốt lời: "Đâu ngờ tâm mình xưa nay trùm khắp..." Chúng ta tu làm sao cho tâm đừng chạy theo cảnh, tức được yên lặng. Mà yên lặng chính là chỗ chân thật hiển bày.

Vì vậy khi Thượng tọa Minh yêu cầu Lục Tổ nói pháp thì bài pháp đầu tiên của Ngài là "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?" Bởi vì tâm vừa nghĩ lành, vừa nghĩ dữ là đã loạn rồi, là tâm vọng tưởng. Một khi khởi nghĩ thì luôn luôn là đối đãi, mà đối đãi là sanh diệt. Không còn mắc kẹt trong đối đãi nữa thì khuôn mặt thật muôn đời sẵn có của mình hiện bày. Cho nên Thiền sư Vô Nghiệp, khi có người hỏi bất cứ câu gì, Ngài chỉ trả lời: "Chớ vọng tưởng!"

Tinh thần Thiền này truyền mãi đến Việt Nam vào thế kỷ thứ mười ba. Vua Trần Nhân Tông, khi đi tu Ngài lên núi Yên Tử, lập một hệ phái tên là Trúc Lâm Yên Tử. Ngài có làm bài phú "Cư Trần Lạc Đạo". Trong đó, câu chốt thế này "Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền". Nghĩa là đối với cảnh mà không có tâm dính mắc thì đừng hỏi thiền chi nữa, vì ngay đó là thiền rồi. Đối với cảnh mà tâm không dính mắc tức là chỗ kinh Kim Cang bảo sáu căn đừng dính với sáu trần. Do không dính mắc với sáu trần nên tâm an định. Đó là Thiền. Như vậy, Thiền của Thiền tông là cốt không cho tâm dính mắc với sáu trần. Đó là gốc, là đường lối căn bản của nhà Thiền. Trước khi xuất gia, vua Trần Nhân Tông đã được học với ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ. Khi sắp trở về lên ngôi Thái tử, Ngài hỏi Tuệ Trung chủ đích của thiền là gì? Tuệ Trung đáp thế này: "Phân quan tự kỷ bổn phận sự, bất từng tha đắc", nghĩa là nhìn lại mình là phận sự chính, đừng chạy tìm bên ngoài. Quay lại ngay nơi tâm mình đó là bổn phận chính của người tu thiền, không thể hướng bên ngoài mà được. Ngay câu đó, nhà Vua lãnh hội được yếu chỉ thiền.

Phương hướng tu hành của Thiền tông không phải lấy kinh điển làm trọng yếu, mà phải biết xoay lại nơi mình để nhìn thẳng nội tâm, biết cái gì hư dối buông xả, cái gì chân thật nhận lại, chớ không có gì xa lạ hết. Tại sao tôi nói Thiền là cội gốc của đạo Phật? Bởi vì trong kinh A-hàm, đức Phật dạy người tu thiền phải quán Tứ niệm xứ. Quán Tứ niệm xứ là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Bốn pháp quán ấy đều xoay lại mình, để thấy cho tường tận. Như vậy tu thiền theo giáo lý Nguyên thủy cũng phải phản quan.

Còn nếu tu thiền theo kinh Kim Cang thì không cho sáu căn dính mắc với sáu trần. Rõ ràng kinh Phật từ hệ Nguyên thủy cho đến hệ Bắc tông đều dạy phải xoay lại, tự quán chiếu chính mình và tự gìn giữ, đừng để tâm phóng theo sáu trần. Cho đến kinh Lăng Nghiêm thuộc Bắc truyền, có một đoạn kể lại ngài A-nan bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, cái gì là cội gốc của sanh tử luân hồi? Cái gì là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn?" Đức Phật im lặng. Lúc đó mười phương chư Phật đồng thanh bảo rằng: "Cội gốc luân hồi sanh tử là sáu căn của ông. Cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông."

Như vậy, từ kinh Phật cho đến đường lối Thiền tông rất phù hợp, rất thích ứng với nhau. Vì vậy chúng tôi mới quả quyết Thiền tông là cội gốc của đạo Phật. Có một Thiền khách đến gặp vị Thiền sư trưởng lão, hỏi:

- Bạch Ngài, thế nào là Phật tánh?

Vị trưởng lão đáp:

- Như một con khỉ được nhốt trong lồng có sáu cửa. Bên ngoài một con khỉ khác đứng kêu "Chéo! Chéo!" để đáp lại con khỉ trong lồng cũng kêu "Chéo! Chéo!"

Nghe tới đó, vị Thiền khách hỏi:

- Nếu con khỉ bên trong ngủ thì sao?

Ngay lúc ấy, Thiền sư liền nắm vai, nói:

- Chúng ta đã thấy nhau rồi!

Đó là câu trả lời cho câu hỏi thế nào là Phật tánh. Bởi tâm chúng ta như con khỉ chuyên nhảy lảnh xăng không dừng, cho nên gặp cảnh ngoài thì dính với cảnh ngoài. Bao giờ nó dừng lặng tức con khỉ bên trong ngủ, thì con khỉ ở ngoài dù có kêu mấy nó cũng yên lặng, không trả lời. Đó là Phật tánh hiển lộ.

Trong nhà Thiền thường dùng câu "Trực chỉ nhân tâm, Kiến tánh thành Phật", nghĩa là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Tại sao? Vì bao nhiêu kiếp rồi, chúng ta cứ cho cái nghĩ suy phân biệt là tâm, mà quên rằng khi nghĩ suy phân biệt dừng, tâm chân thật tự đầy đủ hiện tiền. Như chúng ta ngồi chơi, không có nghĩ suy gì hết, lúc đó vẫn thấy, vẫn nghe, các thứ xúc chạm đều biết một cách rõ ràng. Nếu nghĩ suy là tâm thì khi không nghĩ suy, tâm cũng mất luôn. Nhưng thật ra lúc đó mình vẫn biết.

Như vậy, mới thấy chúng ta có cái biết luôn sẵn ở đây, nhưng vì vọng tưởng phủ che, nên cái biết đó không hiện bày rõ ràng. Khi vọng tưởng lặng xuống thì nó hiện bày rõ ràng. Đó là Tổ chỉ cho chúng ta

thấy cái không sanh không diệt, sẵn nơi mình mà chúng ta quên, cứ chạy theo cái sanh diệt, rồi mê làm chiu luân hồi sanh tử mãi.

Chúng tôi dạy tu thiền là thể theo tinh thần đó, vừa khởi nghĩ liền buông, không cho tâm chạy theo cảnh. Nhờ vậy lần lần tâm được yên lặng. Tâm yên lặng thì sáu căn trong sạch, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý được trong sạch. Đó là trở về với tánh giác của mình chứ không có gì khác.

Như vậy chúng tôi lấy tinh thần Thiền tông từ Tổ Huệ Khả đến Tổ Huệ Năng truyền dạy rõ ràng. Đường lối này cũng được các vị Tổ Việt Nam như Tuệ Trung Thượng Sĩ, vua Trần Nhân Tông lập cước theo đó mà tu, đồng thời lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, là một Thiền phái hoàn toàn Việt Nam. Đường lối này vừa chỉ thẳng, vừa khế hợp với kinh Phật dạy. Ngày nay chúng tôi cũng căn cứ theo đó tu và hướng dẫn Phật tử hâm mộ tu thiền cùng tu.

Do tính khế hợp từ đức Phật cho đến chư vị Tổ sư nên tôi nói "Thiền là cội gốc của đạo Phật". Mong tất cả ghi nhận và hiểu đúng điều này. Được vậy, chúng ta sẽ vững niềm tin hơn trong pháp tu thiền của mình.